

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ 1

MÔN: NGỮ VĂN - LỚP 8

BỘ SÁCH: CÁNH DIỀU

Thời gian làm bài: 90 phút



BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM

Đề 1

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc văn bản:

Tuổi thơ chờ đầy cổ tích

Dòng sông lời mẹ ngọt ngào

Đưa con đi cùng đất nước

Chòng chành nhịp võng ca dao.

Con gặp trong lời mẹ hát

Cánh cò trắng, dải đồng xanh

Con yêu màu vàng hoa mướp

“Con gà cục tác lá chanh”.

Thời gian chạy qua tóc mẹ

Một màu trắng đến nôn nao

Lưng mẹ cứ còng dần xuống

Cho con ngày một thêm cao.

Mẹ ơi, trong lời mẹ hát

Có cả cuộc đời hiện ra

Lời ru chắp con đôi cánh

Lớn rồi con sẽ bay xa.

(Trong lời mẹ hát, Trương Nam Hương)

Chọn đáp án đúng:

Câu 1. Văn bản trên thuộc phong cách ngôn ngữ gì?

- A. Phong cách ngôn ngữ sinh hoạt.
- B. Phong cách ngôn ngữ nghệ thuật.
- C. Phong cách ngôn ngữ chính luận.
- D. Phong cách ngôn ngữ báo chí.

Câu 2. Phương thức biểu đạt chính của văn bản là:

- A. nghị luận.
- B. tự sự.

C. biểu cảm

D. miêu tả.

Câu 3. Ở văn bản này, người con đã gặp *trong lời mẹ hát* những hình ảnh quen thuộc nào?

A. Cánh cò trắng, dải đồng xanh

B. Màu vàng hoa mướp, con gà cục tác lá chanh

C. Có cả cuộc đời hiện ra

D. Cả A,B,C đều đúng

Câu 4. Chỉ ra biện pháp tu từ được sử dụng trong câu thơ :

Thời gian chạy qua tóc mẹ

A. So sánh

B. Nói quá

C. Nhân hóa

D. Hoán dụ

Câu 5. Anh/chị hiểu như thế nào về nội dung chính của lời thơ sau:

Lưng mẹ cứ còng dần xuống

Cho con ngày một thêm cao

A. Gợi hình ảnh người mẹ vất vả.

B. Tình yêu thương của người con đối với mẹ.

C. Thể hiện tình yêu thương, lòng biết ơn của người con đối với mẹ

D. Tình thương của người mẹ đối với con.

Câu 6. Lời thơ nào sau đây thể hiện rõ nét giá trị lời ru của mẹ?

A. *Thời gian chạy qua tóc mẹ/ Một màu trắng đến nôn nao*

B. *Lời ru chấp con đôi cánh/ Lớn rồi con sẽ bay*

xa
C. *Tuổi thơ chở đầy cổ tích/ Dòng sông
lời mẹ ngọt ngào*

D. *Con gặp trong lời mẹ hát/ Cánh cò trắng, dải đồng xanh*

Câu 7. Ý nào sau đây khái quát nội dung chính của văn bản

A. Đề cập đến ý nghĩa lời ru của mẹ, đồng thời thể hiện lòng biết ơn của nhà thơ đối với công ơn của mẹ.

B. Đề cập đến hình bóng người mẹ gắn với tuổi thơ và lời ru ngọt ngào.

C. Đề cập đến những năm tháng tuổi thơ của tác giả cùng người mẹ tảo tần.

D. Đề cập đến tâm lòng người mẹ.

Trả lời câu hỏi/ thực hiện yêu cầu:

Câu 8. Theo em, lời ru của mẹ có ý nghĩa như thế nào đối với sự phát triển tâm hồn của người con?

Câu 9. Hình ảnh người mẹ ở văn bản trên gợi cho anh/chị những cảm xúc gì?

Câu 10. Nhà thơ Trương Nam Hương đã gửi gắm thông điệp gì từ văn bản trên?

II. VIẾT (4.0 điểm)

Chợ họp giữa phố vẫn từ lâu. Người về hết và tiếng ồn ào cũng mất. Trên đất chỉ còn rác rưởi, vỏ bưởi, vỏ thị, lá nhãn và bã mía. Một mùi âm ẩm bốc lên, hơi nóng của ban ngày lẫn mùi cát bụi quen thuộc quá, khiến chị em Liên tưởng là mùi riêng của đất, của quê hương này. Một vài người bán hàng về muộn đang thu xếp hàng hóa, định gánh đã xô sẵn vào quang rồi, họ còn đứng nói chuyện với nhau ít câu nữa.

Mấy đứa trẻ con nhà nghèo ở ven chợ cúi lom khom trên mặt đất đi lại tìm tòi. Chúng nhặt nhạnh thanh nứa, thanh tre, hay bất cứ cái gì có thể dùng được của các người bán hàng để lại, Liên trông thấy động lòng thương nhưng chính chị cũng không có tiền để mà cho chúng nó.

Trời nhá nhem tối, bây giờ chị em Liên mới thấy thằng cu bé xách điếu đóm và khiêng hai cái ghé trên lưng ở trong ngõ đi ra; chị Tí, mẹ nó, theo sau, đội cái chõng trên đầu và tay mang không biết bao nhiêu là đồ đạc: tất cả cái cửa hàng của chị.

- Sao hôm nay chị dọn hàng muộn thế?

Chị Tí để chõng xuống đất, bày biện các bát uống nước mãi rồi mới chép miệng trả lời Liên:

- Ôi chao, sớm với muộn mà có ăn thua gì.

Ngày, chị đi mò cua bắt tép; tối đến chị mới dọn cái hàng nước này dưới gốc cây bàng, bên cạnh cái mốc gạch. Để bán cho ai? Máy người phu gạo hay phu xe, thỉnh thoảng có mấy chú lính lệ trong huyện hay người nhà thầy thừa đi gọi chân tổ tôm, cao hứng vào hàng chị uống bát nước chè tươi và hút điếu thuốc lào. Chị Tí chả kiếm được bao nhiêu, nhưng chiều nào chị cũng dọn hàng, từ chập tối cho đến đêm.

Chị kê xong chõng ghế, dịch ngọn đèn Hoa Kỳ lại để ngồi tằm trà, còn thằng cu thì loay hoay nhóm lửa để nấu nồi nước chè. Lúc bấy giờ chị mới ngẩng lên nói chuyện với Liên:

- Còn cô chưa dọn hàng à?

Liên giật mình, kêu khẽ: “Chết chửa!”, rồi đứng dậy giục em:

- Vào đóng cửa hàng thôi, không mẹ mắng chết.

An đáp:

- Hôm nay chưa chắc mẹ có ra không, chị ạ. Mẹ còn bận làm gạo cơ mà.

Ngày nào, cứ chập tối, mẹ Liên tạt ra thăm hàng một lần, và bà dặn hễ cứ trông thu không là phải đóng cửa hàng lại. Thế mà Liên mãi ngồi nhìn phỏ quên mất! Bây giờ Liên vội vàng vào thắp đèn, xếp những quả sơn đen lại, trong lúc An đi tìm then để cài cửa cho chắc chắn. Cái cửa hàng hai chị em trông coi - là một cửa hàng tạp hóa nhỏ xíu, mẹ Liên dọn ngay từ khi cả nhà bỏ Hà Nội về quê ở, vì thầy Liên mất việc. Một gian hàng bé thuê lại của bà lão móm ngăn ra bằng một tấm phên nửa dán giấy nhật trình. Mẹ Liên giao cho Liên trông coi - bà còn bận làm hàng xáo - và buổi tối thì hai chị em cùng ngủ đây để trông hàng.

(Truyện ngắn “Hai đứa trẻ” – Thạch Lam, 1938)

Thực hiện yêu cầu:

Hãy viết một bài văn nghị luận (khoảng 500 chữ) trình bày cảm nhận của anh/chị về bức tranh phố huyện lúc chiều tàn trong đoạn trích trên.

-----Hết-----

- Học sinh không được sử dụng tài liệu.

- Giám thị không giải thích gì thêm.

Đề 2

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc bài thơ sau:

Đã thấy xuân về với gió đông,

Với trên màu má gái chưa chồng.

Bên hiên hàng xóm, cô hàng xóm

Ngước mắt nhìn giời, đôi mắt trong.

Tùng đàn con trẻ chạy xun xoe,

Mưa tạnh trời quang, nắng mới hoe.

Lá nõn, nhành non ai trắng bạc?

Gió về từng trận, gió bay đi...

Thong thả, dân gian nghỉ việc đồng,

Lúa thì con gái mượt như nhung

Đầy vườn hoa bưởi hoa cam rụng,

Ngào ngạt hương bay, bướm vẽ vòng.

Trên đường cát mịn, một đôi cô,
Yếm đỏ, khăn thâm, trảy hội chùa.
Gậy trúc dắt bà già tóc bạc,
Lần lần tràng hạt niệm nam vô.

(Xuân về - Nguyễn Bính, Trích từ Thi nhân Việt Nam, Hoài Thanh, NXB Văn học, 1997, tr.351)

Lựa chọn đáp án đúng:

Câu 1. Xác định thể thơ của văn bản trên.

- A. Tự do.
- B. Thất ngôn.
- C. Thơ mới.
- D. Bảy chữ.

Câu 2. Văn bản trên được viết bằng những phương thức biểu đạt nào?

- A. Nghị luận, biểu cảm
- B. Tự sự, biểu cảm.
- C. Tự sự, miêu tả
- D. Miêu tả, biểu cảm

Câu 3. Trong bài thơ, tác giả đã sử dụng tất cả bao nhiêu từ láy?

- A. 2 từ

B. 3 từ

C. 4 Từ

D.5 từ

Câu 4. Chọn câu đúng nhất về tác dụng của biện pháp tu từ so sánh trong câu thơ: “*Lúa thì con gái mượt như nhung*”.

A. Gợi hình, gợi cảm. Nhấn mạnh vẻ đẹp của cây lúa.

B. Gợi hình ảnh sinh động về cây lúa.

C. Gợi cảm xúc về tình yêu đối với cây lúa.

D. Nhấn mạnh vẻ đẹp của cây lúa .

Câu 5. Trong khổ thơ thứ nhất, tác giả Nguyễn Bính đã cảm nhận mùa xuân về trên những tín hiệu nào?

A. Mưa tạnh, trời quang, nắng mới

B. Gió đông về, má má gái chưa chồng

C. Lá nõn, nhành non, lúa thì con gái

D. Trong làn nắng ửng, khói mơ tan

Câu 6. Ý nào khái quát nội dung chính của văn bản?

A. Bức tranh mùa xuân tươi sáng, trong lành, đầy sức sống.

B. Bức tranh mùa xuân thanh bình, yên ả.

C. Bức tranh mùa xuân buồn bã, tĩnh vắng.

D. Bức tranh mùa xuân đơn sơ, mộc mạc.

Câu 7. Ý nghĩa của hình ảnh đôi mắt người thiếu nữ trong câu “*Ngước mắt nhìn giời, đôi mắt trong*”.

- A. Vẻ đẹp đôi mắt của cô gái.
- B. Sự quyến rũ, thơ mộng của cô gái.
- C. Vẻ đẹp trong xanh của bầu trời.
- D. Vẻ đẹp hồn nhiên, trong sáng của cô gái.

Trả lời câu hỏi/ thực hiện yêu cầu:

Câu 8. Giá trị biểu cảm của từ láy “*xun xoe*” trong câu thơ “*Từng đàn con trẻ chạy xun xoe*”.

Câu 9. Nét đẹp văn hóa làng quê Việt Nam qua hai câu thơ:

*“Trên đường cát mịn, một đôi cô,
Yếm đỏ, khăn thâm, trẩy hội chùa.”*

Câu 10. Anh/Chị rút ra được thông điệp tích cực gì sau khi đọc văn bản?

II. VIẾT (4.0 điểm)

“...Thong thả, dân gian nghỉ việc đồng,

Lúa thì con gái mượt như nhung

Đầy vườn hoa bưởi hoa cam rụng,

Ngào ngạt hương bay, bướm vẽ vòng.

Trên đường cát mịn, một đôi cô,
Yếm đỏ, khăn thâm, trảy hội chùa.
Gậy trúc dắt bà già tóc bạc,
Lần lần tràng hạt niệm nam vô.”

(Trích Xuân vè - Nguyễn Bính)

Trình bày cảm nhận của anh/ chị về đoạn thơ trên.

-----Hết-----

- Học sinh không được sử dụng tài liệu.
- Giám thị không giải thích gì thêm.

Đề 3

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc văn bản:

MIỀN QUÊ

(Nguyễn Khoa Điềm)^[1]

Lại về mảnh trăng đầu tháng
Mông lung mặt đồng bóng chiều,
Tiếng ếch vùi trong cỏ ẩm
Lúa mềm như vai thân yêu

Mùa xuân, là mùa xuân đầy
Thả chim, cỏ nội hương đồng
Đàn trâu bụng tròn qua ngõ
Gõ sừng lên mảnh trăng cong

Có gì xôn xao đằm thắm
Bao nhiêu trông đợi chóng chầy
Đàn em tóc dài mười tám
Thương người ra lính hôm mai

Để rồi bao nhiêu gió thổi
Bên giếng làng, ngoài bến sông
Có tiếng hát như con gái
Cao cao như vàng trắng trong...

(Nguồn: *Thơ Nguyễn Khoa Điềm, tuyển tập 40 năm do tác giả chọn*, NXB Văn học, 2012)

[1] Nguyễn Khoa Điềm sinh ngày 15 tháng 4 năm 1943, tại thôn Ưu Điềm, xã Phong Hòa, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên – Huế. Thơ của Nguyễn Khoa Điềm lấy chất liệu từ văn học Việt Nam và cảm hứng từ quê hương, con người

và tình thần chiến đấu của người chiến sĩ Việt Nam yêu nước... Thơ ông hấp dẫn bởi sự kết hợp giữa cảm xúc nồng nàn và suy tư sâu lắng của người trí thức về đất nước và con người Việt Nam. Điểm nổi bật của phong cách thơ Nguyễn Khoa Điềm nằm ở cảm hứng hiện thực thời đại, đề tài quen thuộc, cách thể hiện cái tôi đa dạng, lớp từ, hình ảnh cảm xúc sâu sắc và ý nghĩa lịch sử và văn hóa độc đáo.

Lựa chọn đáp án đúng:

Câu 1: Xác định nhân vật trữ tình trong văn bản:

- A. Đàn em
- B. Người lính
- C. Tác giả
- D. Người con gái

Câu 2: Xác định thời gian nghệ thuật trong bài thơ?

- A. Sáng sớm
- B. Chiều tà
- C. Đêm muộn
- D. Đứng bóng

Câu 3: Hai câu thơ dưới đây sử dụng biện pháp tu từ nổi bật nào:

Tiếng ếch vùi trong cỏ ẩm

Lúa mềm như vai thân yêu

A. Hoán dụ

B. So sánh

C. Liệt kê

D. Nhân hoá

Câu 4: Đây là ý đúng nhất khi cảm nhận về bức tranh đồng quê của nhà thơ:

A. Nhộn nhịp, tấp nập, đông vui.

B. Hiu quạnh, ảm đạm, heo hút, mờ nhạt

C. Thanh bình, tươi sáng, nhẹ nhàng, thơ mộng.

D. Mênh mông, bát ngát, bao la.

Câu 5: Cảm hứng chủ đạo của bài thơ là:

A. Trân trọng những kỉ niệm tuổi thơ gắn với quê hương

B. Nỗi nhớ về những kỉ niệm ấu thơ gắn bó với bạn bè

C. Nỗi nhớ về những kỉ niệm gắn bó với dòng sông quê

D. Ngợi ca vẻ đẹp của thiên nhiên và con người nơi miền quê hương yêu dấu

Câu 6: Đáp án nào không phải giá trị nghệ thuật của bài thơ:

A. Vận dụng linh hoạt sáng tạo các hình ảnh thiên nhiên để miêu tả bức tranh miền quê

B. Ngôn ngữ thơ trong sáng, nhẹ nhàng sử dụng linh hoạt các biện pháp nghệ thuật

C. Hình ảnh thơ chân thực, sinh động gắn với đời sống và tâm hồn của con người

D. Ngôn ngữ bác học, mang phong vị cổ điển, sử dụng nhiều điển tích điển cố

Câu 7: Bài thơ đã đem đến bài học ý nghĩa nào:

A. Cần trân trọng những vẻ đẹp bình dị của quê hương vì nó góp phần nuôi dưỡng và bồi đắp tâm hồn con người

B. Cần yêu quý quê hương vì đó là cái nôi nuôi dưỡng con người

C. Cần biết ơn quê hương đã nuôi dưỡng sự sống con người

D. Cần hăng say lao động vì có như thế mới tạo ra thành quả tốt đẹp cho quê hương.

Trả lời các câu hỏi:

Câu 8: Hình ảnh *mảnh trăng đầu thán* ở đầu bài thơ gợi cho anh/chị suy nghĩ gì?

Câu 9: Anh/ chị hiểu như thế nào về hai câu thơ sau (trình bày trong một đoạn văn từ 3 - 5 câu)?

Có tiếng hát như con gái

Cao cao như vàng trắng trong...

Câu 10: Từ nội dung của bài thơ, anh /chị hãy chia sẻ những việc thế hệ trẻ cần làm để lưu giữ và phát triển vẻ đẹp của quê hương?

II. LÀM VĂN (4,0 điểm)

Câu 1. Viết bài văn nghị luận về hiện tượng bạo lực học đường.

-----Hết-----

- Học sinh không được sử dụng tài liệu.
- Giám thị không giải thích gì thêm.

Đề 4**I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)****Đọc đoạn trích sau:**

Mỗi sáng mẹ tôi gỡ tóc bằng cái lược thưa gỗ vàng vàng, thế nào rồi cũng có ít tóc rớt. Mẹ vo vo giắt nó lên đòn tay chỗ mái hiên nhà. Rồi chị tôi cũng làm thế, bắt chước mẹ cũng gỡ tóc, vo vo giắt mớ tóc rớt lên chỗ ấy.

Thỉnh thoảng trên đường làng có bà cụ rao to: “Ai tóc rớt đổi kẹo không?”. Một bên thúng là mảnh chai vỡ, đồng nát, lông vịt, tóc rớt, ... còn bên kia chỉ có cái niêu đất, đúng hơn là một cái ang, cái liễn đựng một thứ kẹo mà bất cứ một đứa trẻ nào cũng phải mê.

Bà cụ lấy kẹo lên bằng chiếc đĩa cả, quán vào đầu que, thật khéo, kẹo cứ lông không, trông rất nhiều, nhưng cho vào miệng nó xẹp lại chỉ còn tí tẹo. Bà cụ đưa kẹo cho chúng tôi, đổi lại nắm tóc rớt của bà, của mẹ hay của chị.

Tóc rớt bán bà cụ không mua, mua kẹo bà cụ không bán, chỉ đổi thôi. Thế là mỗi lần bà cụ qua ngõ, tôi lại kiễ chân, vớ tay lên chỗ mái hiên... Mẹ bảo đó là kẹo mằm làm bằng mằm cây mạ, mằm thóc, hoàn toàn không có đường mật gì cả. Nhưng sao nó ngọt thế, hơn cả kẹo bột, kẹo bi.

Mẹ tôi đã mất. Chị tôi đi lấy chồng xa...

Cứ mỗi lần có ai đi qua rao lên: “Ai đổi kẹo”, tôi lại tưởng như thấy mẹ tôi ngồi đầu hè gỡ tóc bằng cái lược gỗ màu vàng vàng, đầu mẹ nghiêng nghiêng, sóng tóc đổ dài một bên vai, và rồi mẹ vuốt cái lược, vo vo nắm tóc, giắt nó lên mái hiên nhà...

Que kẹo mằm tuổi thơ... Mẹ ơi.... Còn có bao giờ con được thấy mẹ ngồi gỡ tóc như thế nữa.

(Kẹo Mềm, Băng Sơn, Nxb Giáo Dục Việt Nam, Hà Nội, 2017, Tr. 138)

Lựa chọn đáp án đúng:

Câu 1. Các phương thức biểu đạt chủ yếu của văn bản trên là:

- A. Biểu cảm và thuyết minh
- B. Thuyết minh và nghị luận
- C. Tự sự và nghị luận
- D. Tự sự và biểu cảm

Câu 2. Đối tượng chính được nói tới trong văn bản là:

- A. Tóc rối
- B. Kẹo mềm
- C. Bà cụ bán kẹo mềm
- D. Hình ảnh người mẹ

Câu 3. Chỉ ra biện pháp tu từ được sử dụng trong câu văn: “Một bên thúng là mảnh chai vỡ, đồng nát, lông vịt, tóc rối,...”?

- A. So sánh
- B. Ẩn dụ
- C. Nhân hóa
- D. Liệt kê

Câu 4. Dòng nào sau đây nói về đặc điểm của món kẹo mềm?

- A. “Cái liễn đựng một thứ kẹo mà bất cứ một đứa trẻ nào cũng phải mê”
- B. “Bà cụ lấy kẹo lên bằng chiếc đĩa cả, quán vào đầu que”
- C. “Tóc rối bán bà cụ không mua, mua kẹo bà cụ không bán, chỉ đổi thôi”
- D. “Kẹo mằm làm bằng mằm cây mạ, mằm thóc, hoàn toàn không có đường mật gì cả”

Câu 5. Phát biểu nào sau đây nói về nội dung khái quát của văn bản?

- A. Hồi tưởng về tuổi thơ đã qua
- B. Hồi tưởng về món kẹo mằm thuở nhỏ
- C. Hồi tưởng về món kẹo mằm tuổi thơ và hình ảnh người mẹ, người chị
- D. Hồi tưởng về hình ảnh mẹ và chị ngồi gỡ tóc rối dưới mái hiên nhà

Câu 6. Cảm xúc chủ đạo của văn bản là:

- A. Nhớ tiếc quá khứ
- B. Trân trọng tuổi thơ
- C. Yêu thương mẹ và chị
- D. Khát khao trở về quá khứ

Câu 7. Cái tôi của tác giả được thể hiện như thế nào qua văn bản?

- A. Cái tôi đa cảm
- B. Cái tôi tài hoa
- C. Cái tôi uyên bác

D. Cái tôi sắc sảo

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện các yêu cầu:

Câu 8. Xác định đề tài của văn bản.

Câu 9. Anh/Chị rút ra được bài học gì cho bản thân sau khi đọc văn bản trên?

Câu 10. Từ nội dung văn bản, anh/chị có suy nghĩ gì về vẻ đẹp của thời thơ ấu?
(Viết khoảng 5 – 7 câu).

II. LÀM VĂN (4,0 điểm)

Anh/Chị hãy viết một bài văn nghị luận trình bày suy nghĩ của mình về hiện tượng vô cảm.

-----Hết-----

- Học sinh không được sử dụng tài liệu.

- Giám thị không giải thích gì thêm.

Đề 5**I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)****Đọc văn bản sau:**

Từng nghe nói rằng: Người hiền xuất hiện ở đời, thì như ngôi sao sáng trên trời cao. Sao sáng ắt chầu về ngôi Bắc Thần, người hiền ắt làm sứ giả cho thiên tử. Nếu như che mất ánh sáng, giấu đi vẻ đẹp, có tài mà không được đời dùng, thì đó không phải là ý trời sinh ra người hiền vậy.

Trước đây thời thế suy vi, Trung châu gặp nhiều biến cố, kẻ sĩ phải ở ẩn trong ngôi khe, trốn tránh việc đời, những bậc tinh anh trong triều đường phải kiêng dè không dám lên tiếng. Cũng có kẻ gõ mõ canh cửa, cũng có kẻ ra biển vào sông, chết đuối trên cạn mà không biết, dường như muốn lần tránh suốt đời.

Nay trẫm đang ghé chiếu lắng nghe, ngày đêm mong mỏi, nhưng những người học rộng tài cao chưa thấy có ai tìm đến. Hay trẫm ít đức không đáng để phò tá chăng? Hay đang thời đồ nát chưa thể ra phụng sự vương hầu chăng?

Kia như, trời còn tăm tối, thì đáng quân tử phải trở tài. Nay đương ở buổi đầu của nền đại định, công việc vừa mới mở ra. Kì cương nơi triều chính còn nhiều khiếm khuyết, công việc ngoài biên đương phải lo toan. Dân còn nhọc mệt chưa lại sức mà đức hoá của trẫm chưa kịp nhuần thấm khắp nơi. Trẫm nom nớp lo lắng, ngày một ngày hai vạn việc nảy sinh.

Nghĩ cho kĩ thì thấy rằng: Một cái cột không thể đỡ nổi một căn nhà lớn, mưu lược một người không thể dựng nghiệp trị bình. Suy đi tính lại trong vòm trời này cứ cái áp mùi nhà ắt phải có người trung thành tín nghĩa. Huống nay trên dải đất văn hiến rộng lớn như thế này, há trong đó lại không có lấy một người tài danh nào ra phò giúp cho chính quyền buổi ban đầu của trẫm hay sao?

Chiếu này ban xuống, các bậc quan viên lớn nhỏ, cùng với thứ dân trăm họ, người nào có tài năng học thuật, mưu hay hơn đời, cho phép được dâng sớ tâu bày sự việc. Lời nói nào có thể chọn dùng được, thì cất nhắc không kể thứ bậc; chỗ nào không dùng được thì gác lại, không vì lời nói sơ suất vu khoát mà bắt tội. Còn người có nghề hay nghiệp giỏi, có thể cống hiến cho đời, thì cho phép các quan văn, quan võ được tiến cử, nhưng vẫn dẫn vào đời ra mắt, tùy tài lực dụng. Hoặc người nào từ trước đến nay tài năng còn bị che kín, chưa được người đời biết đến, thì cũng cho phép dâng sớ tự tiến cử, chớ hiềm vì mưu lợi mà phải bán rao.

Này! Trong khoảng trời đất, hiền tài còn ẩn náu, trước đây thì nên như thế. Nay trời trong sáng, đất thanh bình, chính là lúc người hiền gặp hội gió mây, những ai có tài có đức hãy cùng cố gắng lên, ghi tên tại triều đình, cùng nhau cung kính, cùng nhau hưởng phúc lành tôn vinh.

Vậy bố cáo gần xa để mọi người đều biết.

(*Chiếu cầu hiền* – Ngô Thì Nhậm)

Lựa chọn đáp án đúng:

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản trên

- A. Tự sự
- B. Nghị luận
- C. Biểu cảm
- D. Thuyết minh

Câu 2. Xác định các trợ từ được sử dụng trong câu sau: “Nay trời trong sáng, đất thanh bình, chính là lúc người hiền gặp hội gió mây, những ai có tài có đức

hãy cùng cố gắng lên, ghi tên tại triều đình, cùng nhau cung kính, cùng nhau hưởng phúc lành tôn vinh.”

A. Nay, chính, những.

B. Chính, những, cùng

C. Nay, hãy, cùng

D. Nay, lên, cùng, hãy

Câu 3. Từ “hiền” trong câu: “Người hiền xuất hiện ở đời, thì như ngôi sao sáng trên trời cao. Sao sáng ắt chầu về ngôi Bắc Thần, người hiền ắt làm sứ giả cho thiên tử.” được hiểu là:

A. Người hiền lành, tư cách đạo đức tốt

B. Người có tài năng vượt trội

C. Người vừa có đức vừa có tài

D. Nhân tài của đất nước.

Câu 4. Chiêu cầu hiền ra đời với mục đích gì?

A. Kêu gọi những người theo Nguyễn Ánh ra giúp Tây Sơn

B. Kêu gọi các Nho sĩ ra giúp nước

C. Kêu gọi những người giỏi võ ra giúp nước

D. Kêu gọi kẻ sĩ Bắc Hà ra cộng tác với triều đình Tây Sơn

Câu 5. Trong phần 1, tác giả đề cập mối quan hệ giữa hiền tài và thiên tử là gì?

- A. Người hiền ắt làm sứ giả cho thiên tử, như vậy là hợp ý trời.
- B. Người hiền tự giấu mình, không về với thiên tử là trái ý trời
- C. Người hiền có thể trở thành thiên tử
- D. Đáp án A và B

Câu 6. Đáp án **không thể hiện** đúng thái độ của sĩ phu Bắc Hà:

- A. Kẻ sĩ mai danh ẩn tích uông phí tài năng
- B. Người ra làm quan thì giữ mình không dám nói thẳng
- C. Nhiều người có tài năng còn chưa chịu ra giúp nước
- D. Nhiều người ngưỡng mộ tài năng của vua Quang Trung đã ra tiên cử

Câu 7. Câu văn “Người hiền xuất hiện ở đời, thì như ngôi sao sáng trên trời cao” nói lên nội dung gì?

- A. Nhân tài Bắc Hà nhiều như sao trên trời.
- B. Người hiền theo Quang Trung rất nhiều như sao trời
- C. Người hiền ở Bắc Hà rất hiếm có
- D. So sánh người hiền tài như vì sao tinh tú. Đê cao vị trí, vai trò của người hiền tài.

Câu 8. Giá trị nội dung của Chiếu cầu hiền là:

- A. Tác phẩm là một văn kiện quan trọng thể hiện chủ trương đúng đắn của Nguyễn Huệ nhằm động viên tri thức Bắc Hà tham gia xây dựng đất nước

- B. Tác phẩm là một văn kiện quan trọng thể hiện chủ trương đúng đắn của Ngô Thì Nhậm nhằm động viên tri thức Bắc Hà tham gia xây dựng đất nước
- C. Tác phẩm là một văn kiện quan trọng thể hiện chủ trương đúng đắn của Nguyễn Huệ nhằm động viên quân Tây Sơn tham gia xây dựng đất nước
- D. Tác phẩm là một văn kiện quan trọng thể hiện chủ trương đúng đắn của Nguyễn Huệ nhằm động viên quân Bắc Hà đi thi ra làm quan

Câu 9. Nhận xét về nghệ thuật lập luận của bài chiếu.

Câu 10. Qua bài chiếu, em có nhận xét gì về tư tưởng và tình cảm của vua Quang Trung.

II. LÀM VĂN (4,0 điểm)

Câu 1. Viết đoạn văn khoảng 200 chữ bàn về cách thức để con người rèn luyện, tu dưỡng vẻ đẹp tâm hồn.

-----Hết-----

- Học sinh không được sử dụng tài liệu.

- Giám thị không giải thích gì thêm.